

Phẩm 7: ĐỊNH

Hỏi: Biết các trí như vậy, trí đó phải như thế nào?

Đáp:

*Trí nương dựa các định
Hành hạnh không ngăn ngại
Cho nên tư duy định
Mong cầu chỗ chân thật.*

Trí dựa vào các định, thực hành hạnh không trở ngại, nghĩa là ví như đèn thì phải dựa vào dầu, tránh chỗ có gió thì ánh sáng đèn sẽ rất sáng. Cũng vậy, trí dựa vào định, ở đó ý lìa bỏ mọi tán loạn, ánh sáng của trí thật sáng suốt, nhất định không có hoài nghi ở hành động đối với cảnh được duyên, đó là do tư duy định, muốn mong cầu sự chân thật của định đó.

*Quyết định nói bốn thiền
Cùng với định Vô Sắc
Trong mỗi thiền này nói
Vị tạp, tịnh vô lậu.*

Quyết định nói bốn thiền cùng với định Vô Sắc, là có tám định, bốn thiền và bốn định Vô Sắc. Trong định này, mỗi mỗi đều nói vị tạp, tịnh vô lậu, nghĩa là Sơ thiền có ba thứ vị, tương ứng với tịnh vô lậu. Tất cả các môn định đều như vậy.

Hỏi: Thế nào là vị tương ứng? Thế nào là tịnh? Thế nào là vô lậu?

Đáp:

*Thiện hữu lậu là tịnh
Không nóng bức là vô lậu
Khí vị tương ứng ái
Trên hết không vô lậu.*

Thiện hữu lậu là tịnh: Nghĩa là vì thiện là tịnh, nên nói là tịnh. Không nóng bức là nói vô lậu, nghĩa là phiền não giả gọi là nóng, chắc chắn không có phiền não là vô lậu.

Khí vị tương ứng với ái, nghĩa là thiện của định Vô Sắc tương ứng với ái, là do có đầy đủ sự tương ứng chung, thực hành chung, là nói sự tương ứng với vị.

Trên hết không vô lậu, nghĩa là trên hết thì không có vô lậu, ở trong cái trên hết của Phi tưởng phi phi tưởng xứ đó không có vô lậu. Vì hành động không nhanh nhẹn nên có hai thứ. Ngoài ra, đều có ba thứ.

Hỏi: Thiền sở hữu tánh gì?

Đáp:

*Năm chi có giác quán
Cũng lại có ba thọ (thọ)
Ngần ấy thứ bốn tâm
Gọi đó là Sơ thiền.*

Năm chi, nghĩa là năm chi thu nhiếp Sơ thiền, khiến cho vững chắc. Cũng từ ý nghĩa này mà được gọi là giác-quán hỷ-lạc-nhất tâm. Giác là khi đang nhập định, bắt đầu sinh công đức thiện, thì tâm thô bắt đầu tư duy. Quán là khiến cho tâm vi tế nối tiếp liên tục. Hỷ là sự vui vẻ ở trong định. Lạc tức đã vui ở thân còn an ổn, hoan hỷ trong tâm. Nhất tâm là tâm chuyên chú không tán loạn trong các cảnh duyên. Chủng loại này lúc trụ nơi định là chi và khi nhận, khi xả, nên gọi là năm chi.

Sơ thiền có giác, có quán, nghĩa là có giác, có quán tức là Sơ thiền.

Hỏi: Do thọ nhận năm chi, nay giác quán có công dụng gì?

Đáp: Chi có nghĩa là thiện. Còn nói sự uest tạt và vô ký trong năm chi, cũng có giác, có quán mà không phải thiện.

Cũng lại có ba thọ, là Sơ thiền có ba thọ: Lạc căn, Hỷ căn và Hộ căn. Ở trong thọ, Lạc căn là thọ của thân. Hỷ căn là giới của ý; Hộ (xả) căn, ở bốn thức. Ngần ấy thứ cũng là ngần ấy thứ trong Phạm thế, có trên có dưới, nên nói là đầy đủ nơi sinh.

Bốn tâm nghĩa là Sơ thiền thì có bốn tâm: Nhãn thức, nhĩ thức, thân thức và ý thức. Gọi đó là Sơ thiền, nghĩa là tất cả các pháp này được gọi là Sơ thiền.

Đã nói Sơ thiền, nay sẽ nói: thiền thứ hai.

*Hai thọ ngần ấy thứ
Nhị thiền có bốn chi
Năm chi là thứ ba
Thiền này gọi hai thọ.*

Hai thọ, nghĩa là thiền thứ hai có hai thọ, đó là Hỷ căn và Hộ căn. Ngần ấy thứ, nghĩa là bên trong thân, có ngần ấy thứ, đã lìa giác, quán thì có ngần ấy tâm, có lúc thể nhập Hỷ căn hoặc đôi khi thể nhập Hộ căn. Nhưng Hỷ là căn bản, bên cạnh có Hộ căn.

Nhị thiền có bốn chi, nghĩa là thiền thứ hai có bốn chi: Nội tịnh, hỷ, lạc, nhất tâm. Nội tịnh được gọi là tín. Trong sự chia lìa nảy sinh ra tín. Đã được lìa Sơ thiền bèn nghĩ: Tất cả có thể lìa bỏ, các chi còn lại như trước đã nói. Chủng loại này, ở Nhị thiền là chi.

Năm chi là Tam thiên, nghĩa là thiên thứ ba có năm chi: Lạc, Hộ, Niệm, Trí và Nhất tâm. Lạc là lạc căn trong địa ý thức. Hộ là đã vui trong ý thức, mà còn vui không cầu mong gì nữa. (Có thuyết nói: Hộ tuy có nghĩa nhưng không nên nói đó là chi). Niệm là phương tiện hộ trì không bỏ. Trí là không làm cho ưa thích. Nhất tâm tức là định. Những loại này ở trong thiên thứ ba là chi. Thiên này được nói là hai thọ, nghĩa là thiên thứ ba có hai thứ thọ, là Lạc căn và Hộ căn. Lạc căn là căn bản; Hộ căn là bên.

*Lìa hơi thở vào, ra
Tứ thiên có bốn chi
Chi này gọi là thiện
Cũng lại phân biệt loại.*

Lìa hơi thở ra vào, nghĩa là hít vào là đến, thở ra là đi, là việc không có trong thiên thứ tư. Vì sao? Vì do sức của định, nên các lỗ chân lông khép lại.

Tứ thiên có bốn chi: Không khổ, không vui, Hộ-Tĩnh-Niệm-Nhất tâm. Vĩnh viễn lìa bỏ khổ vui là không khổ, không vui. Ngoài ra như trước đã nói.

Hỏi: Sao thiên là chi tương ứng?

Đáp: Chi này được gọi là thiện, thiện là chi tương ứng với chi thiên, không phải sự cấu uế, cũng không phải vô ký.

Cũng lại phân biệt, loại nghĩa là tùy theo chỗ như đã nói. Phải biết là chỗ khác thì không nên có. Như Sơ thiên có giác, có quán; bốn tâm thì nói ở Sơ thiên này, hết thấy địa khác không có.

Thiên thứ tư đã lìa hơi thở ra vào là việc không có trong thiên thứ ba, nên không nói.

Đã nói bốn thiên; bốn định Vô Sắc, nay sẽ nói: Về vấn đề khác.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói: Có căn bản y, nếu chưa lìa dục thì chưa có được căn bản y mà vẫn có công đức vô lậu. Vậy công đức vô lậu này thuộc về địa nào?

Đáp: Thuộc về thiên vị lai.

Hơn nữa, Đức Thế Tôn nói: Có ba định: Có giác, có quán, không có giác và một ít quán không có giác, không có quán.

Trong Sơ thiên là có giác, có quán. Thiên hai là không có giác, không có quán. Còn nói không có giác, một ít quán, thì định thuộc về địa nào?

Đáp: Là thuộc về thiên trung gian.

Về tướng của thiên vị lai, và thiên trung gian, nay sẽ nói:

*Tương ứng có giác, quán
Đều ở Vị lai thiên
Quán tương ứng: Trung gian
Người trí sáng đã nói.*

Tương ứng có giác, có quán, đều tồn tại trong thiên vị lai, nghĩa là có giác có quán trong thiên vị lai. Thiên trung gian tương ứng với quán, là lời người có trí sáng suốt đã nói. Nghĩa là thiên trung gian chỉ có một ít quán mà không có giác. Do tâm của hành giả dần dần tạm nghỉ ngơi.

*Không dựa mà hai thứ
Trừ tương ứng với vị
Thiên trung gian: ba thứ
Đều là nói một thọ.*

Không có chỗ dựa mà có hai thứ, trừ tương ứng với vị, nghĩa là thiên vị lai hoàn toàn là thiện hữu lậu và vô lậu. Hữu lậu là tịnh, vô lậu tức vô lậu.

Thiên trung gian có ba thứ: thiên trung gian có ba thứ là: có vị, tịnh, vô lậu ở trong sinh tử.

Đều là nói một thọ, nghĩa là thiên vị lai và thiên trung gian đều có chung một thọ, vì là hộ căn (xả) chứ không phải là địa căn bản.

Đã nói các định. còn công đức được gồm thâu trong định nay sẽ nói.

*Tam-ma-đề có thông
Vô lượng, tu nhất thiết
Trừ nhập và các trí
Giải thoát khỏi trong đó.*

Tam-ma-đề là ba Tam-ma-đề Không-Vô nguyện-Vô tướng, bị tâm vô lậu ràng buộc.

Có thông là có sáu thông: Như ý túc trí, thiên nhĩ trí, tha tâm thông trí, ức túc mạng trí, sinh tử trí và lậu tận thông trí.

Vô lượng là bốn vô lượng: Từ, bi, hỷ, (hộ) xả. Vì cảnh giới của chúng sinh là vô lượng, nên nói là vô lượng.

Tu nhất thiết, nghĩa là Mười nhất thiết nhập: Đất nhất thiết nhập, nước, lửa, gió, các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng nhất thiết nhập, vô lượng không xứ nhất thiết nhập, vô lượng thức xứ nhất thiết nhập, vì đầy đủ giải thoát nên tất cả nhập.

Trừ nhập, là tám trừ nhập: Bên trong chưa trừ sự tưởng tượng về sắc, một ít cảnh giới của quán bất tịnh là một. Vô lượng cảnh giới là

hai. Trừ bỏ một ít cảnh giới của tướng về sắc là ba. Vô lượng cảnh giới là bốn. Lại bỏ tướng về màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng.

Quán trừ nhập: Trừ cảnh giới tịnh, nên nói là trừ nhập. Và các trí, là các trí có mười, như trước đã nói. Giải thoát là tám giải thoát:

Chưa loại bỏ tướng về sắc, tư duy bất tịnh là một.

Dứt trừ tướng về sắc, tư duy bất tịnh là hai.

Tư duy tịnh là ba.

Bốn Vô Sắc và định Diệt tận, vì trái với cảnh giới, không hưởng theo nên nói là giải thoát. Khởi sự trong đó là các công đức này, có thể được trong chín địa và khởi sự trong chín địa đó (Kinh Sư nói: Nên nói mười địa).

Đã nói về các công đức, thuận theo địa có thể được, nay sẽ nói:

Một tuệ Bi-Hộ-Từ

Cũng đều có năm thông

Nói khắp trong bốn thiền

Trong sáu có hiện trí.

Một tuệ bi-hộ-từ cũng đều có năm thông, nói khắp trong bốn thiền: Một tuệ là Tha tâm trí. Bi-Từ-Hộ (xả) là ba Vô lượng tâm. Và đều có năm thông tất cả công đức trong bốn thiền căn bản, chẳng phải thiền nào khác.

Trong sáu có hiện trí: Hiện trí là Pháp trí. Trong sáu địa có bốn thiền căn bản, thiền vị lai và thiền trung gian.

Trong trừ nhập nói bốn

Trong đó cũng có hỷ

Giải thoát đầu và hai

Công đức sơ-nhị thiền.

Bốn trừ nhập ở trước và Hỷ, v.v... là giải thoát Sơ thiền, Nhị thiền. Công đức đó trong Sơ thiền, Nhị thiền, không phải thiền nào khác.

Bốn trừ nhập còn lại

Cùng với một giải thoát

Cũng tám, nhất thiết nhập

Phật nói thiền trên hết.

Tịnh giải thoát của bốn trừ nhập sau, tám nhất thiết nhập trước, là công đức trong Tứ thiền, không phải thiền nào khác.

Thoát khác tức tên gọi

Hai, nhất thiết cũng vậy

Diệt tận ở sau cùng

Chín khác nói vô lậu.

Sự giải thoát khác tức là danh từ được gọi là hai tất cả cũng vậy, nghĩa là bốn giải thoát còn lại tự gọi tên mình mà nói và hai, tất cả nhập cũng như vậy.

Vô lượng không xứ, giải thoát vô lượng không xứ, tất cả nhập, thuộc về vô lượng không xứ. Như vậy, cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Diệt tận ở sau cùng, nghĩa là định Diệt tận, thuộc về Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Vì sao? Vì chưa lìa sự dục kia cũng nhập.

Chín địa khác gọi là vô lậu, nghĩa là pháp vô lậu khác, thuộc về chín địa, như ba Tam-ma-đề, bảy trí, lậu tận thông là thuộc về chín địa. Vị lai và trung gian đẳng trí bốn thiên ba Vô Sắc là thuộc về mười địa. Đẳng trí này ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng có thể có được, vì là số nhất định.

Hỏi: Công đức này có bao nhiêu hữu lậu, vô lậu?

Đáp:

*Ba giải thoát, phải biết
Hữu lậu và vô lậu
Trí định đã phân biệt
Cái khác đều hữu lậu.*

Ba giải thoát, phải biết là hữu lậu và vô lậu, nghĩa là giải thoát vô lượng không xứ, vô lượng thức xứ, vô sở hữu xứ đều là hữu lậu, vô lậu.

Trí định đã phân biệt: Định như phẩm trong Khế kinh nói, trí vô lậu và các thần thông như phẩm Trí đã nói.

Cái khác đều hữu lậu: Nghĩa là tất cả công đức khác đều hoàn toàn hữu lậu, và như ba pháp thần thông oai nghi, vì sắc, tiếng được tướng, vì vô lượng chúng sinh đều duyên, vì tất cả nhập ý giải hy vọng.

Ba giải thoát cũng giống như vậy, vì Phi tưởng Phi phi tưởng xứ không phải là sự hoạt động nhanh chóng, vì tưởng trí, là sự tắt mất, lìa bỏ giác quán, trừ nhập, cũng là ý giải, hy vọng.

Đã nói tướng thành tựu công đức, nay sẽ nói:

*Chưa thể vượt qua dục
Thành tựu vị tương ứng
Vượt dưới, chưa đến trên
Thành tựu các định tịnh.*

Chưa có khả năng vượt qua sự ham muốn, thành tựu vị tương ứng. Nghĩa là nếu địa nào chưa lìa bỏ sự ham muốn, thì địa đó, sẽ thành tựu sự vượt qua tương ứng với vị. Dưới là vị chí, trên là thành tựu các thanh

tịnh định. Nghĩa là xa rời sự ham muốn của cõi Dục, nếu chưa sinh lên địa trên của Phạm thế, người đó sẽ thành tựu tịnh Sơ thiên và công đức hữu lậu của địa Sơ thiên. Tất cả đều phải biết như vậy.

*Phải biết trụ địa trên
Vô lậu thành tựu thiên
Cầu được các công đức
Biết là còn ham muốn.*

Trụ địa trên phải biết vô lậu thành tựu thiên, là lìa sự ham muốn của địa dưới, người đó trụ địa trên cũng thành tựu vô lậu của địa dưới. Như kiến đế lìa bỏ sự ham muốn, an trụ địa trên của Phạm thế, thành tựu Sơ thiên vô lậu và địa định của Sơ thiên, đều là các công đức vô lậu, tất cả đều phải biết như vậy.

Công đức thế tục trói buộc, ở chỗ thuận theo thì phát sinh, vô lậu thì tồn tại trong đoạn, vì rời bỏ nơi sinh, xả công đức hữu lậu, không xả vô lậu, mong cầu được các công đức, biết chẳng phải không có trong sự ham muốn.

Đã nói là lìa bỏ sự ham muốn của địa dưới, thì thành tựu công đức của địa trên, phải biết, không phải tất cả mọi công đức thu tóm được là lúc lìa bỏ sự ham muốn. Như trí như ý túc, trí thiên nhãn, trí thiên nhĩ, vì tánh của vô ký mà nên tất cả dục và định diệt tận, ở đây mong cầu được công đức này, không phải đợi đến lúc rời bỏ sự ham muốn của địa dưới, mới có được.

Đã nói thành tựu, nay sẽ nói: Về nhân duyên.

Có hai mươi ba chủng loại, định, pháp tương ứng với vị có tám, tám tịnh, bảy vô lậu.

Hỏi: Những pháp này mỗi thứ như vậy có bao nhiêu nhân?

Đáp:

*Diệu vô lậu không nhiễm
Bảy thứ gọi là nhân
Thiên tịnh, vị tương ứng
Nên biết có một nhân.*

Vô lậu mầu nhiệm, không nhiễm, bảy thứ được gọi là nhân, nghĩa là Mỗi vô lậu có bảy thứ nhân tự nhiên. Nhân tương ứng với địa mình, là nhân chung. Tứ thiên tương ứng với vị tịnh, phải biết chỉ có một nhân, nghĩa là Sơ Tứ thiên tương ứng với vị. Nhân của Sơ Tứ thiên tương ứng với vị, không phải nhân, không phải nhân thiện, vì không giống nhau, không phải là nhân cấu uế của địa khác, vì trái với hành. Tịnh Sơ thiên là nhân của tịnh Sơ thiên, không phải là nhân cấu uế, vì

không giống nhau. Không phải là nhân vô lậu, vì cũng không giống nhau. Không phải là nhân của địa tịnh khác, vì là quả báo của địa mình, vì sự ràng buộc của địa mình, Tất cả như vậy, đều nên biết.

Đã nói về nhân duyên, nay sẽ nói: Về tuần tự duyên.

Hỏi: Mỗi thứ lớp sinh có bao nhiêu thứ?

Đáp:

*Thứ lớp thiên vô lậu
Hung khởi sáu thứ thiên
Bảy, tám, chín, có mười
Khởi thiên, cũng Không định.*

Sơ thiên là vô lậu, theo thứ lớp, sinh ra sáu thứ tịnh của địa mình và vô lậu. Như vậy, theo thứ lớp của thiên thứ hai thiên thứ ba, vô lậu, Vô sở hữu xứ thứ lớp phát sinh bảy thứ thiên: Địa của mình hai, địa dưới bốn và địa trên một.

Trình tự của thiên thứ ba vô lậu phát sinh tám: Địa mình hai, địa dưới hai và địa trên có bốn.

Theo thứ lớp của vô lậu vô lượng Thức xứ, sinh ra chín: Địa mình hai, địa dưới bốn và địa trên ba. Thứ lớp của vô lậu khác, sinh ra mười: Địa mình hai, địa dưới bốn và địa trên bốn.

*Tịnh sáu, có bảy, tám
Chín mười sinh mười một
Các thiên tương ứng vị
Phát sinh hai đến mười.*

Tịnh sáu có bảy, tám, chín, mười, phát sinh mười một, nghĩa là theo thứ lớp của tịnh Phi tướng Phi phi tướng xứ phát sinh sáu: Địa mình tương ứng với vị và tịnh địa dưới có bốn, vô lậu tịnh Vô sở hữu xứ, vô lượng thức xứ, không phải lìa ham muốn tương ứng với vị. Tất cả đều như vậy, cần phải biết.

Tất cả địa mình đều tương ứng với vị. Các Tứ thiên nương ứng với vị, đều phát sinh hai cho đến mười thứ, nghĩa là theo thứ lớp của Tứ thiên nương ứng với vị, phát sinh hai vị tương ứng với địa mình và tịnh, không sinh ra thứ thiên khác, vì mỗi thứ thiên đều trái nhau.

Như vậy, tất cả địa của mình có hai, địa dưới có một tịnh (Kinh Sư nói: Không nên có địa dưới một tịnh) tất cả đều tương ứng với vị, phát sinh lúc chết.

Đã nói duyên thứ lớp, nay sẽ nói: Về duyên duyên.

Hỏi: Mỗi thứ có bao nhiêu thứ duyên?

Đáp:

*Thiền tịnh đến vô lậu
Phải duyên tất cả địa
Thiền tương ứng ược nhiệm
Chỉ duyên lấy địa mình.*

Thiền tịnh đến vô lậu, phải duyên tất cả địa, nghĩa là tịnh và tất cả địa của Sơ thiền vô lậu, tất cả địa duyên với tất cả các thứ thiền.

Thiền tương ứng với sự cấu ược, vì chỉ duyên với địa mình. Nghĩa là Thiền tương ứng với vị, duyên lấy thiền tịnh tương ứng với vị của địa mình, không phải ái, vô lậu, không có vô lậu duyên, cũng không ưa thích địa của người khác.

*Vô Sắc không có sức
Duyên địa hữu lậu dưới
Thiền có địa căn bản
Cấu ược như thiền vị.*

Vô Sắc không có sức, duyên với địa hữu lậu dưới, nghĩa là định Vô Sắc không có khả năng duyên với pháp hữu lậu của địa dưới, vì rất vắng lặng.

Hỏi: Tại sao nói là Vô Sắc không có khả năng duyên với pháp hữu lậu của địa dưới?

Đáp: Thiền, có tịnh địa căn bản và Vô Sắc của căn bản vô lậu là sự duyên của địa mình và địa trên, không phải địa dưới duyên lấy sự cấu ược như thiền vị, nghĩa là như Tứ thiền tương ứng với vị, nói Vô Sắc cũng vậy.

*Nói thứ khác cõi Sắc
Công đức như Vô lượng v.v...
Là phải duyên cõi Dục
Là lời Thế Tôn nói.*

Nói công đức khác của cõi Sắc, như vô lượng đẳng. Tất cả nhập, trừ nhập và giải thoát, chỉ duyên với cõi Dục, duyên với các sắc xanh, v.v... của vô lượng chúng sinh đau khổ. Đây là cõi Dục. Vì sao? Vì thân thông duyên với hai cõi.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói: Thế nào là huân tu thiền?

Đáp: Là huân tu tất cả bốn thiền vô lậu, nghĩa là huân tập hữu lậu là vì sức của vô lậu, thọ nhận quả báo của Tịnh Cư.

Hỏi: Nếu tất cả bốn thiền đều huân tu, thì vì sao, không có quả của Tịnh Cư trong ba thiền dưới?

Đáp:

Nếu huân tu các thiền

*Là nương thiền thứ tư
Ái ba địa đã dứt
Quả Tịnh Cư chắc thật.*

Nếu được thiền thứ tư, là có khả năng huân tu thiền, thì niệm của thiền thứ tư trước phải huân tu, về sau mới tu thiền khác. Nghĩa là được thiền thứ tư thì là sự ham muốn của thiền thứ ba. Vì lý do này, nên ở địa dưới không có quả chắc thật của Tịnh cư.

Có người hỏi: Đức Thế Tôn nói có nguyện trí là thế nào?

Đáp:

*Tánh vô trước, bất động
Đã được tất cả định
Đó là do sức định
Năng khởi danh Tứ thiền.*

Ở trong định, nếu ý của người tu định kia sinh ra công đức, thì Nguyện trí, Vô tránh, và Biện tài, đó là các công đức hàng đầu. Nguyện trí, là như điều mình đã mong muốn, mà nhập định, hoặc trong quá khứ, hiện tại, vị lai, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, tất cả đều biết.

Vô tránh, là muốn cho ý của người khác không khởi tranh chấp, tức là không khởi biện luận. Mọi pháp nghĩa và vị quyết định, không chướng ngại, không sợ hãi.

Hỏi: Nguyện trí, Vô tránh và Biện tài này, thuộc về địa nào?

Đáp:

*Ba địa có Nguyện trí
Vô tránh nương năm địa
Pháp Từ biện nương hai
Hai biện nương vào chín.*

Ba địa có Nguyện trí. Nguyện trí thuộc về ba địa: Thiền thứ tư, Sơ thiền và cõi Dục. Nhập Tứ thiền biết Sơ thiền và cõi Dục.

Nói Vô tránh dựa vào năm địa, nghĩa là năm địa có Vô tránh, là bốn Thiền căn bản và cõi Dục. Muốn cho tất cả không tranh chấp.

Pháp Từ biện nương vào hai: Nghĩa là biện luận về pháp, được gọi là duyên với vị, là cõi Dục và trời Phạm thế, không phải địa trên vì là giác quán. Từ biện gọi là trí của sự lựa chọn vị. Trí đó, cũng có thể được trong hai địa: Cõi Dục và trời Phạm Thế.

Hai biện tài nương vào chín địa: Nghĩa biện và ứng biện trong chín địa: Bốn thiền, bốn Vô Sắc và cõi Dục.

Đã nói Sơ thiền, phải biết đã nói thiền vị lai và thiền trung gian, vì hai thiền này là quyến thuộc của Sơ thiền.

Hỏi: Làm thế nào được định này?

Đáp:

*Dứt dục, cũng lại sinh
Vẫn được ở thiên tịnh
Ô uế thối lại sinh
Vô lậu chỉ dứt dục.*

Dứt sự ham muốn, cũng lại sinh, mà vẫn được ở thiên tịnh, nghĩa là tịnh Sơ thiên có hai thời mà được, là lúc lia cõi dục và mất ở địa trên, sinh lên trời Phạm Thế. Như vậy, tất cả đều phải biết rõ.

Cấu uế vui và sinh, nghĩa là sự cấu uế, tương ứng với vị, có được là lúc thối lui. Nếu thối lui bị ràng buộc của cõi Dục và đời Phạm thiên, bấy giờ mới được. Sơ thiên tương ứng với vị lúc sinh thì mới được, nghĩa là nếu địa trên chết, sinh cõi Dục và trời Phạm thế, bấy giờ mới được, Sơ thiên tương ứng với vị. Tất cả đều phải biết như vậy.

Vô lậu chỉ dứt dục, nghĩa là vô lậu chỉ có được lúc dứt trừ sự ham muốn, mới được gọi là Thánh được lia sự ham muốn, và lúc ấy mới được Sơ thiên vô lậu. Như vậy, tất cả đều phải biết.

Hỏi: Công đức gì mà có khả năng dứt trừ phiền não?

Đáp:

*Vô lậu dứt phiền não
Cũng là định trung gian
Tất cả định trung gian
Đều tương ứng xả căn.*

Vô lậu trừ phiền não: Nghĩa là tám địa của Sơ thiên vô lậu sẽ dứt trừ phiền não. Như vậy, tất cả đều phải biết.

Cũng lại là định trung gian. Định trung gian còn gọi là sự dứt trừ ham muốn của địa dưới. Vì dùng đạo phương tiện, nên chung quy không được căn bản, đến nỗi chưa lia bỏ được sự ham muốn. Ngoài ra, không có khả năng dứt trừ.

Trung gian của tất cả định đều tương ứng với Hộ căn. Nghĩa là tất cả định trung gian tương ứng với Hộ căn, rốt cuộc không được hỷ cho đến không được nghĩa.

Hỏi: Có bao nhiêu tâm biến hóa? Nghĩa là có như ý túc, có khả năng biến hóa?

Đáp: Có tám: Quả của bốn thiên Cõi Dục và quả của bốn thiên của địa Sơ thiên.

Hỏi: Địa nào thành tựu tâm biến hóa đó?

Đáp:

*Ý, biến hóa địa dưới Thành tựu quả loại
kia Nếu hợp ba thứ tâm Địa trên cần
phải nói.*

Ý biến hóa của địa dưới, thành tựu quả của thiên kia, nghĩa là nếu thành tựu thiên là thành tựu quả của thiên đó, là tâm biến hóa của địa dưới.

Hỏi: Nói Sơ thiên có bốn tâm, trụ ở địa trên, muốn nghe, muốn thấy. Địa đó làm sao thấy, nghe?

Đáp: Thức của địa Phạm thể hiện ở trước mặt. Hỏi: Tâm của địa kia được thành tựu vào lúc nào?

Đáp: Nếu hòa hợp ba thứ tâm, thì địa trên phải nên nói: Nếu vào lúc, mà thức của địa Phạm thể kia, hiện ra ở trước mặt, hoặc là nhãn thức, hoặc là nhĩ thức, nếu là thân thức, bấy giờ sẽ thành tựu thức của địa đó. Nếu thức của địa Phạm thể kia, không hiện ở trước mặt, tức là diệt mất, thì bấy giờ sẽ không thành tựu.

* * * * *